

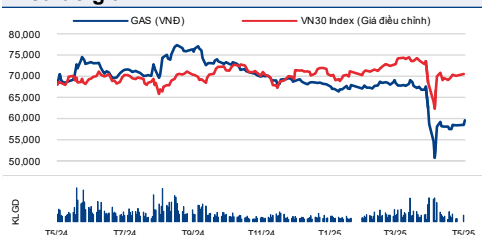
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ85,000
Tiềm năng tăng/giảm: 42.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (6/5/2025)	59,600
Mã Bloomberg	GAS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	50,800-77,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	59,050
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	139,623
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,379
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,343
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	938
Slg CP NN được mua (tr.đv)	882
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	2.38%
Tỷ lệ freefloat	4.24%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (95.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	89,954	103,619	111,597
EBITDA đc (tỷ đồng)	15,933	16,068	21,398
LNTT (tỷ đồng)	14,640	13,980	19,616
LNT ĐC (tỷ đồng)	11,238	10,593	15,011
FCF (tỷ đồng)	11,835	7,049	11,526
EPS ĐC (đồng)	4,893	4,566	6,407
DPS (đồng)	3,100	6,000	4,000
BVPS (đồng)	27,887	26,215	28,779
T.trưởng EBITDA (%)	(23.5)	0.85	33.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(28.7)	(14.3)	38.9
Tăng trưởng DPS (%)	21.0	93.6	(33.3)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	17.7	15.5	19.2
Tỷ suất LNTT (%)	16.3	13.5	17.6
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.9	10.6	13.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	56.2	127	60.9
Nợ thuần/VCSH (%)	1.34	6.48	3.68
ROAE (%)	18.7	17.5	23.9
ROACE (%)	18.1	18.5	24.8
EV/doanh thu (lần)	1.52	1.38	1.26
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.60	8.87	6.59
P/E ĐC (lần)	12.2	13.1	9.30
P/B (lần)	2.14	2.27	2.07
Lợi suất cổ tức (%)	5.20	10.1	6.71

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GAS là doanh nghiệp độc quyền buôn bán/vận chuyển khí tự nhiên ở Việt Nam và sẽ hưởng lợi từ nhập khẩu LNG từ năm 2023

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
nam.nhoang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 190

Q1/2025: LNTT bằng 17% dự báo cho năm 2025, đáng thất vọng

- Lợi nhuận thuần Q1/2025 của GAS thấp hơn kỳ vọng của HSC do khung giá phân phối khí LNG chưa được phê duyệt, dẫn đến việc không hoàn nhập dự phòng như dự kiến. Doanh thu thuần tăng 10% so với cùng kỳ trong khi LNTT tăng 8% so với cùng kỳ, hoàn thành chỉ 17% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.
- GAS không ghi nhận trích lập/hoàn nhập dự phòng trong Q1/2025 (và trong Q1/2024), tốt hơn so với 657 tỷ đồng trích lập dự phòng (liên quan đến khung giá phân phối khí tự nhiên được thương lượng lại cho các nhà máy nhiệt điện khí) được ghi nhận trong Q4/2024.
- GAS đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9 lần, thấp hơn 2,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 13,9 lần, với lợi suất cổ tức 6,8%. Duyệt tri khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 85.000đ; vẫn còn rủi ro bị hủy niêm yết do tỷ lệ cổ phiếu được tự do chuyển nhượng thấp hơn 10%, nhưng chúng tôi cho rằng điều này sẽ không xảy ra.

Sự kiện: KQKD Q1/2025 thấp hơn kỳ vọng

Lợi nhuận thuần Q1/2025 (gần như không có khoản mục không thường xuyên) đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so với Q1/2024 (không tính các khoản mục không thường xuyên); so với Q4/2024 (có ghi nhận khoản trích lập dự phòng 657 tỷ đồng), lợi nhuận HĐKD cốt lõi tăng 7% và lợi nhuận thuần tăng 35%.

Công ty giải thích lợi nhuận HĐKD cốt lõi Q1/2025 tăng so với cùng kỳ nhờ giá khí LNG tăng 53% lên 13,9 USD/MMBTU (dự báo cho năm 2025 của chúng tôi ở mức 10 USD/MMBTU) và sản lượng tiêu thụ khí hóa lỏng LPG tăng 9% lên 744 nghìn tấn (dự báo cho năm 2025 của chúng tôi tăng 3% lên 2.914 nghìn tấn). Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ khí tự nhiên trong quý giảm 13% so với cùng kỳ đạt 1,467 triệu m3 (dự báo cho năm 2025 của chúng tôi: tăng 8% lên 7,6 triệu m3). Chúng tôi hiểu rằng GAS đã áp dụng giá bán tạm tính để tính khung giá phân phối khí LNG, hiện thấp hơn mức 2,59 USD/MMBTU được EVN đề xuất trong khung giá năm 2025, trong khi dự báo năm 2025 của chúng tôi ở mức 2,2 USD/MMBTU.

LNTT thực tế trong quý hoàn thành 17% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi – có phần đáng thất vọng, mặc dù chúng tôi nhấn mạnh rằng không có hoàn nhập dự phòng trong Q1/2025 (so với kỳ vọng hoàn nhập dự phòng 1,6 nghìn tỷ đồng trong dự báo cho năm 2025) – nhưng bằng 52% KHKD được GAS đề ra ở mức thấp. Lợi nhuận thuần thực tế của Q1/2025 hoàn thành 19,5% dự báo lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi (không tính lợi nhuận không thường xuyên).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 8/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2025, GAS

Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi tăng ở mức vừa phải so với cùng kỳ và so với quý trước

Tỷ đồng	Q1/2025	So với cùng kỳ	Sv quý trước	Kế hoạch 2025	Dự báo của HSC 2025
Doanh thu	25,675	10%	3%	35%	25%
Lợi nhuận gộp	4,090	11%	1%		
Chi phí BH&QL	-917	14%	-48%		
Chi phí dự phòng	-	-	-100%		
Thu nhập tài chính	357	-23%	-15%		
Chi phí tài chính	-118	-35%	-17%		
LNTT	3,429	8%	34%	52%	17%
Lợi nhuận thuần	2,757	10%	35%		
Các khoản mục ròng không thường xuyên	-	-	-100%		
Lợi nhuận thuần 'cốt lõi'	2,757	10%	7%		

Nguồn: HSC

Duy trì khuyến nghị Mua vào; rủi ro bị hủy niêm yết thấp

Sau khi giá cổ phiếu giảm 12% trong 3 tháng qua, GAS đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9 lần, thấp hơn 2,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 13,9 lần, với lợi suất cổ tức vững chắc ở mức 6,8%. Mặc dù lợi nhuận Q1/2025 thấp hơn dự báo là điều đáng thất vọng, HSC vẫn kỳ vọng GAS sẽ ghi nhận lợi nhuận từ hoàn nhập dự phòng trong năm nay – thúc đẩy tâm lý thị trường đối với cổ phiếu – dựa trên giả định khung giá phân phối khí LNG được phê duyệt. Chúng tôi nhận thấy Bộ Công Thương sẽ cần phải phê duyệt khung giá phân phối khí cho nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Đây là những nhà máy điện hoàn toàn sử dụng khí hóa lỏng đầu tiên tại Việt Nam.

Đáng lưu ý, GAS – tương tự như tình huống của BSR (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 17.200đ) – có rủi ro bị hủy niêm yết theo Luật 56/2024/QH15 do tỷ lệ cổ phiếu được tự do chuyển nhượng chỉ ở mức 4,2%. Chúng tôi kỳ vọng Công ty sẽ tìm ra giải pháp để tránh rơi vào kịch bản này.

Thêm thông tin về khung giá phân phối khí LNG

HSC tiếp tục kỳ vọng khung giá phân phối khí LNG mới sẽ được phê duyệt trong năm 2025, mặc dù điều này đã không diễn ra trong Q1/2025. Việc này sẽ cho phép Công ty hoàn nhập dự phòng liên quan đến khung giá phân phối khí LNG cho các nhà máy nhiệt điện chưa được phê duyệt từ năm 2023. Chúng tôi dự báo hoàn nhập dự phòng 1,6 nghìn tỷ đồng, dựa trên thời điểm GAS bắt đầu phân phối khí tự nhiên cho các nhà máy nhiệt điện, so với hoàn nhập dự phòng thực tế 1,9 nghìn tỷ đồng trong năm 2024, bao gồm khung giá phân phối khí tự nhiên cho các nhà máy nhiệt điện.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp, GAS

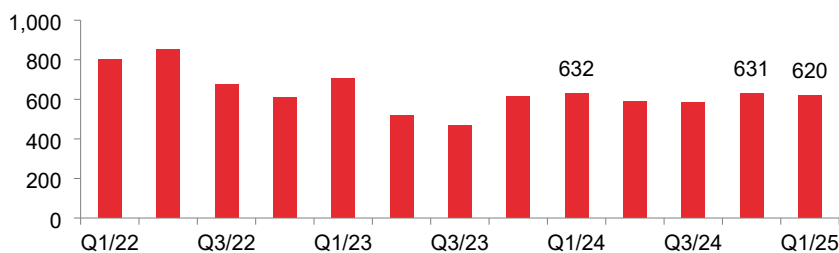
Khí khô và lợi nhuận gộp đóng góp 57% vào lợi nhuận thuần trong Q1/2025

Tỷ đồng	Q1/2024	Q1/2025	Tăng trưởng
Doanh thu	23,311	25,672	10%
LPG	13,010	13,324	2%
Khí khô và LNG	9,329	11,022	18%
Cước phí vận chuyển	323	562	74%
Khác	153	289	89%
Condensate	283	260	-8%
CNG	186	186	0%
Cho thuê văn phòng	27	29	7%
	1Q24	1Q25	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp	3,691	4,087	100%
LPG	1,088	1,005	25%
Khí khô và LNG	2,148	2,347	57%
Cước phí vận chuyển	245	451	11%
Khác	52	82	2%
Condensate	113	143	3%
CNG	30	41	1%
Cho thuê văn phòng	15	18	0%

Nguồn: HSC

Biểu đồ 3: Giá hợp đồng LPG (bình quân của propane và butane) (USD/tấn)

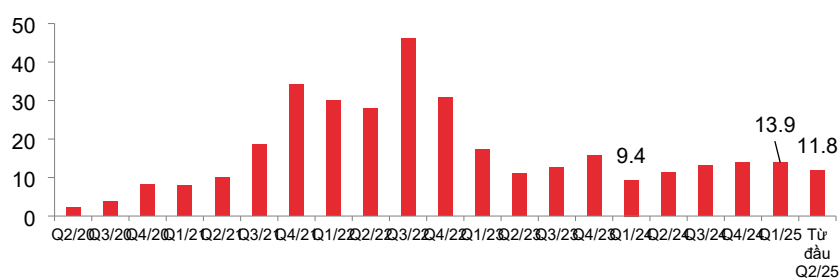
Giá LPG giảm 1,9% so với cùng kỳ trong Q1/2025



Nguồn: 3mgas

Biểu đồ 4: Giá hợp đồng giao ngay thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc (USD/MMBTU)

Mức giá giao ngay LNG thị trường châu Á tăng 48% so với cùng kỳ trong Q1/2025



Nguồn: Tradingview

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	100,724	89,954	103,619	111,597	123,733
Lợi nhuận gộp	21,315	16,925	18,975	21,195	23,803
Chi phí BH&QL	(3,515)	(4,019)	(5,641)	(2,696)	(4,764)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	17,799	12,906	13,334	18,498	19,039
Lãi vay thuần	897	1,686	589	1,057	1,215
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	31.8	26.7	26.7	26.7	26.7
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	78.4	20.4	31.1	33.5	37.1
LN TT	18,806	14,640	13,980	19,616	20,318
Chi phí thuế TNDN	(3,740)	(2,846)	(2,796)	(3,923)	(4,064)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(268)	(187)	(224)	(314)	(325)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	14,798	11,606	10,961	15,379	15,929
Lợi nhuận thuần ĐC	14,448	11,238	10,593	15,011	15,561
EBITDA ĐC	20,822	15,933	16,068	21,398	21,967
EPS (đồng)	7,732	5,513	4,725	6,565	6,800
EPS ĐC (đồng)	6,291	4,893	4,566	6,407	6,642
DPS (đồng)	2,561	3,100	6,000	4,000	4,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,914	2,105	2,320	2,343	2,343
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,914	2,297	2,343	2,343	2,343
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,297	2,297	2,343	2,343	2,343

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	10,549	5,669	3,929	6,513	5,644
Đầu tư ngắn hạn	23,726	35,085	33,158	35,711	39,595
Phải thu khách hàng	16,191	16,865	19,945	22,039	25,055
Hàng tồn kho	4,102	3,945	4,248	4,575	5,073
Các tài sản ngắn hạn khác	1,082	654	1,140	1,228	1,361
Tổng tài sản ngắn hạn	55,652	62,218	62,421	70,066	76,727
TSCĐ hữu hình	16,370	19,532	20,710	20,917	22,172
TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	36.3	31.7	32.4	33.0	33.7
Đầu tư dài hạn	5,978	1,781	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	396	388	400	412	424
Tài sản dài hạn khác	4,231	3,804	3,419	3,683	4,083
Tổng tài sản dài hạn	27,011	25,537	24,561	25,044	26,713
Tổng cộng tài sản	82,663	87,754	86,982	95,110	103,440
Nợ ngắn hạn	45.0	1,605	1,605	1,605	1,605
Phải trả người bán	6,652	7,138	8,015	8,409	9,076
Nợ ngắn hạn khác	4,789	5,459	5,181	5,580	6,187
Tổng nợ ngắn hạn	12,488	14,972	15,941	16,821	18,229
Nợ dài hạn	6,038	4,271	5,271	6,271	6,271
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	253	280	311	335	371
Nợ dài hạn khác	2,710	2,934	2,798	3,013	3,341
Tổng nợ dài hạn	9,001	7,484	8,379	9,618	9,983
Tổng nợ phải trả	21,489	22,456	24,320	26,440	28,211
Vốn chủ sở hữu	59,858	64,049	61,413	67,420	73,979
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,316	1,250	1,250	1,250	1,250
Tổng vốn chủ sở hữu	61,174	65,299	62,662	68,670	75,229
Tổng nợ phải trả và VCSH	82,663	87,754	86,982	95,110	103,440
BVPS (đ)	31,274	27,887	26,215	28,779	31,579
Nợ thuần/(tiền mặt)	(4,466)	206	2,946	1,363	2,232

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	17,799	12,906	13,334	18,498	19,039
Khấu hao	(3,023)	(3,027)	(2,734)	(2,899)	(2,928)
Lãi vay thuần	897	1,686	589	1,057	1,215
Thuế TNDN đã nộp	(3,711)	(2,805)	(2,828)	(3,907)	(4,039)
Thay đổi vốn lưu động	(3,696)	686	(2,790)	(1,644)	(2,264)
Khác	(286)	353	(926)	(820)	(803)
LCT thuần từ HKKD	12,792	13,827	9,180	14,633	14,468
Đầu tư TS dài hạn	(2,401)	(1,992)	(2,131)	(3,106)	(4,183)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	2,666	(9,257)	4,901	33.2	(1,141)
LCT thuần từ HĐĐT	265	(11,249)	2,770	(3,073)	(5,324)
Cổ tức trả cho CSH	(5,882)	(7,120)	(14,056)	(9,371)	(9,371)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	3,617
Tăng/giảm nợ	(1,912)	(208)	1,000	1,000	0
Khác	(13.9)	(131)	(633)	(605)	(4,260)
LCT thuần từ HĐTC	(7,808)	(7,459)	(13,689)	(8,976)	(10,013)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,300	10,549	5,669	3,929	6,513
LCT thuần trong kỳ	5,249	(4,880)	(1,740)	2,583	(869)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	10,549	5,669	3,929	6,513	5,644
Dòng tiền tự do	10,391	11,835	7,049	11,526	10,285

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	21.2	18.8	18.3	19.0	19.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.7	17.7	15.5	19.2	17.8
Tỷ suất LNT (%)	14.7	12.9	10.6	13.8	12.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.9	19.4	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	27.5	(10.7)	15.2	7.70	10.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	54.8	(23.5)	0.85	33.2	2.66
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	72.5	(22.2)	(5.74)	41.7	3.67
Tăng trưởng EPS (%)	70.6	(28.7)	(14.3)	38.9	3.58
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	72.5	(22.2)	(6.68)	40.3	3.67
Tăng trưởng DPS (%)	0.30	21.0	93.6	(33.3)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	33.1	56.2	127	60.9	58.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	26.7	18.7	17.5	23.9	22.5
ROACE (%)	26.9	18.1	18.5	24.8	23.3
Vòng quay tài sản (lần)	1.25	1.06	1.19	1.23	1.25
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.72	1.07	0.69	0.79	0.76
Số ngày tồn kho	18.9	19.7	18.3	18.5	18.5
Số ngày phải thu	74.4	84.3	86.0	89.0	91.5
Số ngày phải trả	30.6	35.7	34.6	34.0	33.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(6.00)	1.34	6.48	3.68	4.69
Nợ/tài sản (%)	8.42	7.44	9.10	9.45	8.81
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.33	0.41	0.49	0.42	0.41
Chỉ số TT hiện thời (lần)	4.46	4.16	3.92	4.17	4.21
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.09	1.52	1.38	1.26	1.15
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.26	8.60	8.87	6.59	6.46
P/E (lần)	7.71	10.8	12.6	9.08	8.77
P/E ĐC (lần)	9.47	12.2	13.1	9.30	8.97
P/B (lần)	1.91	2.14	2.27	2.07	1.89
Lợi suất cổ tức (%)	4.30	5.20	10.1	6.71	6.71

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn